

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 121/2025/DS-PT

Ngày: 24/02/2025

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay
tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**.

Các Thẩm phán: Ông **Võ Thanh Bình**.

Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đoàn Nhã**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2024/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 278/2024/DSST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 632/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thanh H: Anh **Diệp Thanh T**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp G, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị Kim L**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị Kim L: Chị **Nguyễn Quyền T1**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* Bị đơn Võ Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Diệp Thanh T trình bày:*

Vào năm 2016, do quen biết bà con với nhau và mối quan hệ như chị em. Khi bà L gặp khó khăn về kinh tế trong gia đình nên bà L đã gặp chị H và có trao đổi đề hỏi mượn chị H tiền xây sở trong gia đình. Khi đó, bà H có nói với bà L là nếu mượn tiền phải ra công chứng nên ngày 18/10/2016 thì bà H và bà L có ra Văn phòng C tại số E ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang trước sự chứng kiến của công chứng viên ông Từ Trọng G, bà H và bà L đã thống nhất hợp đồng vay tiền cụ thể: Bà H có cho bà L mượn số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày hợp đồng được công chứng, riêng số tiền lãi hàng tháng thì giữa bà H và bà L thỏa thuận riêng không đưa vào hợp đồng là 3 %/tháng và bà L đã giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà H giữ làm tin, hiện bà H đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi công chứng vay, bà H giao tiền 50.000.000 đồng cho bà L làm 01 lần tại Văn Phòng C không có ai chứng kiến việc này. Sau đó, bà L không thực hiện việc đóng tiền lãi và vốn cho bà H nên chị H khởi kiện.

Nay bà H yêu cầu bà L trả cho bà H số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 3%/tháng tính từ tháng 10/2016 cho đến 10/2021 với số tiền là 120.000.000 đồng và cộng thêm lãi quá hạn từ tháng 11/2021 đến ngày 20/10/2023 với số tiền 25.000.000 đồng. Tổng cộng bà L phải trả cho bà H số tiền 195.000.000 đồng trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi đối với thời gian từ ngày 20/10/2023 trở về sau.

Bà H không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà L, khi nào bà L trả nợ số tiền nêu trên cho bà H thì chị H sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 117, tờ bản đồ số 2, vị trí đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị Kim L đứng tên cho bà L.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị Kim L, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Quyền T1 trình bày:* Do bà L có đánh đề nên có ghi số đề chỗ bà H do bà H làm thầu đề, thời gian khoảng 16/10/2016 thì bà H và bà L có kết số tiền nợ là 50.000.000 đồng, bà L xác định số tiền này là tiền đánh đề và tiền lãi cộng dồn với lãi suất 10%/tháng của số tiền ghi đề còn nợ, do thời gian đã lâu nên bà L không nhớ rõ số tiền đánh đề nợ bà H là bao nhiêu. Sau đó, bà H kêu đưa cho bà H giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 117, tờ bản đồ số 2, vị trí đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị Kim L đứng tên để làm tin và khi đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như nêu trên thì bà H kêu bà L ra Văn Phòng C để ký hợp đồng vay xác định là bà L có nợ bà H 50.000.000 đồng và bà H có nói là khi ký xong sẽ trả giấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà L. Sau đó, tháng 10/2016 (bà L không nhớ rõ thời gian) bà L có trả cho bà H 30.000.000 đồng nhưng bà H không trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên và hủy bỏ hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, sau đó bà H không trả giấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà L và bỏ trốn đi do nợ nần cho đến nay. Nay yêu cầu khởi kiện của bà H, bà L không đồng ý.

Bà L có yêu cầu khởi kiện phản tố yêu cầu hủy hợp đồng vay tiền ngày

18/10/2016 số công chứng 1146, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C, yêu cầu trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 117, tờ bản đồ số 2, vị trí đất tại ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang do bà Võ Thị Kim L đứng tên.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 278/2024/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Điều 357, 423, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 385, 401 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 2 Điều 71, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H. Buộc bà Võ Thị Kim L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 34.500.000 đồng. Tổng cộng là 84.500.000 đồng. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị Kim L về việc yêu cầu hủy hợp đồng vay tiền ngày 18/10/2016 số công chứng 1146, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và bà Võ Thị Kim L.

3. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thanh H sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 117, tờ bản đồ số 2, diện tích 161,9m², mục đích sử dụng đất đất ở nông thôn 100m² và đất trồng cây lâu năm 61,9m², có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 07848/A1 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 06/5/2009 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ú tại mục VI của giấy ghi Chuyển nhượng cho bà Võ Thị Kim L, Năm sinh 1970, CMND số 310827411; Địa chỉ: thường trú: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hồ sơ số 000275CN002. Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 07 tháng 10 năm 2024, bị đơn Võ Thị Kim L kháng cáo: yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bị đơn chị T1 cho rằng ngày 18.10.2016, bà L không có nhận số tiền 50.000.000 đồng từ bà H, không có viết biên nhận, trước đó bà L có nợ tiền đánh đề của bà H số tiền 10.000.000 đồng tính lãi đến ngày 18.10.2016 lên 50.000.000 đồng nên ký hợp đồng vay và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H giữ,

yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H.

Đại diện nguyên đơn anh T cho rằng bà H và bà L chỉ xác lập duy nhất một hợp đồng vay ngày 18.10.2016 với số tiền vay 50.000.000 đồng đã được công chứng nên yêu cầu bà L trả số tiền trên và lãi như cấp sơ thẩm đã tuyên, không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thời hạn kháng cáo: Ngày 13/9/2024, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số: 278/2024/DS-ST. Ngày 07/10/2024, bị đơn bà Võ Thị Kim L có đơn kháng cáo hợp lệ. Như vậy, kháng cáo của bà L còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố Tụng dân sự nên được chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà L:

[3.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn thống nhất hai bên có xác lập và ký vào Hợp đồng vay tài sản ngày 18/10/2016 số công chứng 1146, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C. Đại diện nguyên đơn cho rằng ngày 18.10.2016 bà H cho bà L vay 50.000.000 đồng, sau ký hợp đồng công chứng thì giao tiền tại Văn phòng công chứng nhưng không ai chứng kiến. Ngoài ra, hai bên không có xác lập quan hệ vay tiền nào khác.

[3.2]. Bà L cho rằng bà có đánh đề, ghi số đề chỗ bà H do bà H làm thầu đề, thời gian khoảng 16/10/2016 thì bà H và bà L có kết số tiền nợ là 50.000.000 đồng, bà L xác định số tiền này là tiền đánh đề và tiền lãi cộng dồn với lãi suất 10%/tháng của số tiền ghi đề còn nợ, thực tế bà không có nhận số tiền này.

[3.3]. Căn cứ vào Điều 1 của Hợp đồng vay tài sản công chứng ngày 18.10.2016 giữa bà H và bà L quy định về số tiền và thời hạn vay “*Bên A.....*”

Việc giao nhận số tiền được thực hiện ngay sau khi hai bên ký vào hợp đồng này và do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, khi giao, nhận tiền phải viết biên nhận đầy đủ”. Như vậy, hợp đồng vay tiền trên có điều kiện là

khi giao nhận tiền phải lập biên nhận riêng, bà H không cung cấp được biên nhận đã giao cho bà L số tiền vay 50.000.000 đồng, bà L thì khẳng định không có nhận tiền từ bà H ngày 18.10.2016 là ngày ký hợp đồng vay được công chứng.

[3.4]. Như vậy, bà H kiện yêu cầu bà L trả tiền vay nhưng không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền vay cho bà L nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Cấp sơ thẩm không xem xét hết điều kiện thể hiện trong hợp đồng vay là phải có biên nhận khi giao nhận tiền mà chỉ căn cứ vào lời khai của bà L có nợ bà H khoản tiền khác để buộc bà L trả khoản tiền vay ngày 18.10.2016 là không có căn cứ vì nguyên đơn bà H xác nhận ngoài lần vay tiền ngày 18.10.2016 bà H không có cho bà L vay bất cứ khoản tiền nào khác. Do đó, cần sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Việc bà L thừa nhận có nợ khác với bà H nếu các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim L nên bà không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại cho bà L 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Kim L; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 278/2024/DS-ST ngày 13.9.2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 357, 423, 463, 466, khoản 2 Điều 468, 385, 401 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 5, khoản 2 Điều 71, khoản 2, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H về việc yêu cầu bà Võ Thị Kim L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh H số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng và tiền lãi là 34.500.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H chịu 4.525.000 đồng, khấu trừ vào 4.875.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013296 ngày 19/3/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Vậy hoàn lại cho bà H 350.000 đồng.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim L không phải chịu án phí, hoàn lại cho bà L 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013640 ngày 07/10/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- DSPT-2025 – Tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính